

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

CƯƠNG VỰC VIỆT NAM QUA CÁC SÁCH DẠY LỊCH SỬ VIỆT NAM VIẾT BẰNG CHỮ HÁN VÀ CHỮ NÔM

Nguyễn Thị Hường*

Trong khi khảo sát các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, tức những cuốn sách có tính chất giáo khoa dạy về lịch sử Việt Nam trong quá khứ, chúng tôi nhận thấy đa phần các sách đều chú ý trình bày vấn đề cương vực và luôn dành cho nó vị trí hàng đầu. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của vấn đề cương vực đối với quốc gia, cũng như sự liên quan chặt chẽ của nó với quốc sử. Tuy mức độ trình bày kỹ càng về cương vực giữa các sách không giống nhau, có sách chỉ lướt qua, có sách trình bày lẫn trong các thời đại, có sách dành cả một chuyên mục, nhưng vấn đề cương vực luôn được các tác giả biên soạn sách dạy lịch sử đề cập đến. Đó cũng là điểm khác biệt giữa sách dạy lịch sử trong quá khứ và sách dạy lịch sử hiện nay.

Những cuốn sách ở bậc môn học/khai tâm như *Thiên Nam tứ tự*, *Thiên Nam tứ tự kinh*, *Ấu học lịch sử giáo khoa thư*, *Khải đồng thuyết ước* v.v.. thường chỉ trình bày về vấn đề cương giới một cách sơ lược.

- *Thiên Nam tứ tự* mở đầu viết: “Sửu hội chi sơ, âm ngưng vi địa, nam bắc đông tây, ngũ phương các dị. Hoàng duy ngã Việt, vị tại Ngọ Đỉnh, tinh phân Dục Chấn, cảnh tiếp Dương Kinh, đông để Hợp Phố, tây lân Đại Lý, bắc cực Tuyên Ung, nam bao Ô Lý”. (Hội Sửu mở đầu, khí âm ngưng kết thành đất, chia các hướng nam bắc đông tây, năm hướng đều khác nhau - *Nguyên chú rằng*: Đây là nói khí âm ngưng tụ xuống dưới mà thành đất vậy; xem ở điểm đầu tiên thì khởi đầu từ hội Sửu; lại nói Mão là hướng chính đông, Dậu là hướng chính tây, Ngọ là hướng chính nam, Tý là hướng chính bắc, đều có phương vị cả; phong thổ của dân tục đại để không giống nhau. Duy nước Việt ta, vị trí nằm ở phía nam, phân dã các sao ở cung Dục Chấn, biên cảnh tiếp giáp với đất Dương⁽¹⁾ đất Kinh⁽²⁾ - *Nguyên chú rằng*: Nước Đại Việt ta, xem trong Thiên hạ địa đồ thì đất đai nước ta nằm ở hướng Ngọ Đỉnh (tức hướng nam) trong 24 hướng; vị trí sao nước Việt ta nằm chính trong khu vực sao Dục sao Chấn trong 28 vì sao. Đông đến Hợp Phố⁽³⁾, tây giáp Đại Lý⁽⁴⁾, bắc tận Tuyên Ung⁽⁵⁾, nam gồm Ô Lý - *Nguyên chú rằng*: Hợp Phố là tên huyện, thuộc phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông, Đại Lý là tên nước, thuộc Ba Thục, Tuyên Ung là tên châu, nay vẫn còn tên gọi cũ, Ô Lý là tên đất, triều Trần đổi là châu Thuận Hóa, nay gọi là Quảng, Thuận). [13, A.238, tr. 1a-1b].

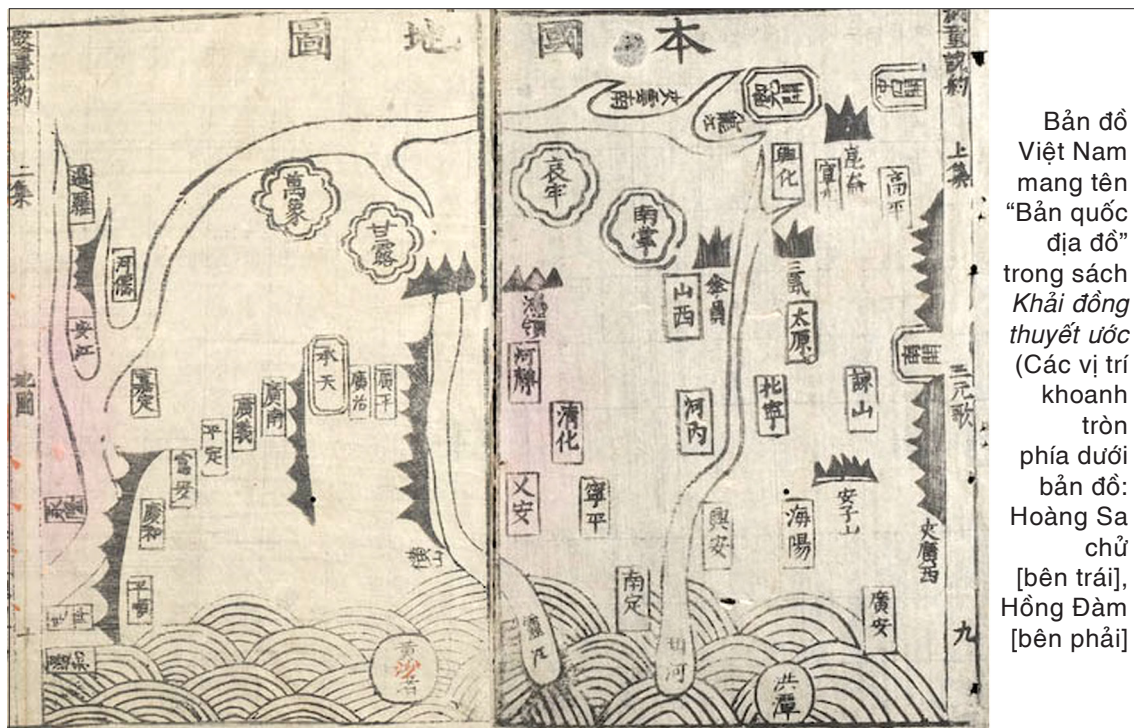
- *Thiên Nam tứ tự kinh* mở đầu viết: “Việt Nam vị trí, tại Ngưu Nữ tinh, nam bao Ô Lý, bắc cực Tư Minh, tây tiếp Ai Lao, đông để đại hải”. (Vị trí nước

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam.

Việt Nam, nằm ở sao Ngưu Nữ, phía nam bao gồm đất Ô Lý, phía bắc đến hết Tư Minh⁽⁶⁾, phía tây tiếp giáp Ai Lao, phía đông đến biển lớn). [14, A.1958, tr. 1a].

- *Khải đồng thuyết ước* viết: “Ngã Việt duyên hải, tứ chí đề phong, trường ư nam bắc, đoản ư tây đông. Nam chí Hà Tiên, bắc cực Tuyên Thái, tây tiếp Ai Lao, đông để vu hải”. (Duyên hải nước Việt ta, cương vực bốn phía, dài về hai phía bắc nam, ngắn ở hai phía tây đông - *Nguyên chú*: Nước ta chỉ gọi là hai kỳ Nam, Bắc, có người gọi là nước An Nam, từ đông sang tây dài 1.760 dặm, từ bắc sang nam dài 3.800 dặm; sách của Sái Hư Trai nói rằng: từ An Nam đến địa đầu Xiêm La dài 4.700 dặm, ý nói khoảng cách rất dài. Phía nam đến Hà Tiên, phía bắc hết Tuyên Quang Thái Nguyên, phía tây tiếp giáp Ai Lao, phía đông đến tận biển - *Nguyên chú*: Hà Tiên giáp nước Xiêm La, Tuyên Quang, Thái Nguyên giáp vùng nội địa Quảng Tây, Vân Nam; nước Ai Lao xưng thần cống lễ nước ta, gọi nước ta là Thiên vương). [7, AB.11, tập hạ, tr. 9a].

Việc trình bày về cương vực của các sách ấu học/mông học chỉ mang tính chất khái quát, không trình bày kỹ về lịch sử thay đổi cương vực nước ta. Duy chỉ có cuốn *Khải đồng thuyết ước* ngoài việc trình bày sơ lược về cương giới nước ta, còn có thêm mục bản đồ với tám bản đồ mang tên “Bản quốc địa đồ” ở quyển thượng. Sau tám bản đồ này, tác giả còn ghi chú rõ ràng về số phủ, huyện, tổng, xã thôn của Hoàng thành Thừa Thiên (sic) - kinh đô nước ta và 14 tỉnh thuộc Nam Kỳ, 16 tỉnh thuộc Bắc Kỳ. Điều đáng chú ý là trong tám bản đồ này, tác giả ngoài việc vẽ lại các vùng đất trong lục địa, còn có ghi chú rõ ràng cả cương giới ở vùng biển nước ta bao gồm Hồng Đàm 洪潭 và Hoàng Sa chữ 黃沙渚 (Bãi Hoàng Sa hay còn gọi là quần đảo Hoàng Sa).⁽⁷⁾



Ngoài ra, một cuốn sách được dùng trong nhà trường Đông Kinh nghĩa thực là *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư* cũng nhắc đến vấn đề cương vực nước ta rải rác trong các bài học lịch sử của các thời đại, như cương vực nước ta thời hồng hoang, 15 bộ thời đại Hùng Vương và những lời bàn liên quan đến việc triều đình phong kiến nước ta đòi lại những phần đất biên giới đã bị nhà Thanh chiếm v.v...

Vấn đề cương vực nước ta được sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm ở bậc tiểu học và trung học trình bày cụ thể và chi tiết hơn. Tùy theo phong cách biên soạn mà các sách này trình bày một cách tập trung hay rải rác trong từng tiết, mục. Nhìn chung, những sách biên soạn theo lối biên niên truyền thống đều trình bày về vấn đề cương vực một cách tản mạn và không có phân tích cụ thể như cuốn *Việt sử tân ước toàn biên*, *Trung học Việt sử biên niên toát yếu*. Những sách biên soạn theo lối phân chương, chia tiết thường đưa mục cương vực lên phần đầu, đồng thời có những phân tích khá cặn kẽ như cuốn *Tiểu học quốc sử lược biên*, *Trung học Việt sử toát yếu*. Sau khi khảo sát tất cả các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hiện có, chúng tôi nhận thấy *Tiểu học quốc sử lược biên* là cuốn sách trình bày cương vực kỹ càng và có hệ thống nhất.⁽⁸⁾ Trong cuốn sách này, mục *Quốc giới* được tác giả trình bày ngay trong quyển nhất, với một hệ thống các bảng cương vực qua thời đại. Đặc biệt, trong khi trình bày về cương vực thuộc thời đại nghi sử, tác giả còn phân tích những nghi vấn của mình về cương vực trong ghi chép của các sách lịch sử chính thống trước đây, đồng thời đưa ra bảng liệt kê về những phần đất mà chúng ta đã mất cho người Trung Quốc. Cuối mục *Quốc giới*, tác giả phụ chép bảng giải thích tên gọi Giao Chỉ, Giao Châu để người học có sự phân biệt rõ ràng về các tên gọi này, cũng như những vùng đất liên quan trực tiếp đến các tên gọi này.

Như vậy, tổng quan lại, chúng ta thu được những thông tin nào về cương giới qua các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm? Dưới đây chúng tôi sử dụng những trình bày về cương vực ở cuốn *Tiểu học quốc sử lược biên* làm tư liệu nền để trình bày sơ lược về những thông tin cương vực qua các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng bổ sung những phần không được *Tiểu học quốc sử lược biên* trình bày, nhưng lại có ở các cuốn sách khác.

1. Cương vực nước ta thời hồng hoang (hay còn gọi là thời Hồng Bàng, Hùng Vương)

Cách ghi chép về cương vực nước ta thời hồng hoang giữa các sách còn có chỗ chưa được thống nhất, nhưng nhìn chung, thì ranh giới nước ta thường được viết đúng như những gì được ghi trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

Sách *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư* [ký hiệu A.169, tr. 7a-7b] cho biết, thời Kinh Dương Vương dựng nước, “cương giới nước ta phía đông tiếp giáp với Nam Hải, phía tây đến Ba Thục (nay là Tứ Xuyên, Trung Quốc), phía bắc đến hồ Động Đình (nay là Hồ Nam, Trung Quốc), phía nam tiếp giáp với Hồ Tôn (tên nước, sau bị thôn tính vào nước Lâm Ấp, nay là Bình Định)”. Những

thông tin này căn cứ theo cuốn *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Đặc biệt, nhân nói về cương giới nước ta tác giả còn trích dẫn lời ngự phê của vua Tự Đức trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* rằng: “統觀前後則我越地之淪入中國太半惜乎？歷代明君良臣亦多有不世出者，然終不能收回寸土，大是憾事” [ký hiệu A.1/1, Q2, tr. 3b-4a] (Xem khắp trước sau thì đất đai nước Việt ta mất dần vào Trung Quốc quá nửa chẳng? Các đấng vua sáng, tôi hiền các đời cũng có nhiều người lỗi lạc hiếm có trên đời, nhưng cuối cùng chẳng thể lấy lại một tấc đất, thật là một việc vô cùng hối tiếc). Trích dẫn này thể hiện dụng ý rõ ràng của tác giả *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư*, đó là nhấn mạnh bờ cõi nước ta rộng lớn, chỉ ra nỗi thẹn mất đất, khơi gợi tinh thần yêu nước.

Cũng theo nguồn tư liệu *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sách *Tiểu học quốc sử lược biên* đưa ra bảng 15 bộ thời Hùng Vương như sau:

Bảng 1. Mười lăm bộ thời Hùng Vương [15, A.329, tr. 8a]

Văn Lang (nguyên chú là Hưng Hóa, Sơn Tây)	Chu Diên (nguyên chú là phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây)	Phúc Lộc (nguyên chú là Sơn Tây)
Giao Chỉ (nguyên chú là Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên)	Dương Tuyền (nguyên chú là Hải Dương)	Vũ Ninh (nguyên chú là Bắc Ninh)
Ninh Hải (nguyên chú là Quảng Yên)	Lục Hải (nguyên chú là Lạng Sơn)	Vũ Định (nguyên chú là Thái Nguyên, Cao Bằng)
Tân Hưng (nguyên chú là Hưng Hóa, Tuyên Quang)	Cửu Chân (nguyên chú là Thanh Hóa)	Hoài Hoan (Nguyên chú là Nghệ An)
Cửu Đức (nguyên chú là Hà Tĩnh)	Việt Thường (nguyên chú địa bàn từ Quảng Trị đến Quảng Nam)	Bình Văn (nguyên chú không rõ)

Không chỉ vậy, tác giả *Tiểu học quốc sử lược biên* (Phạm Huy Hổ) đã dựa vào những sách lịch sử, địa chí Việt Nam và Trung Quốc để biện luận về những nghi ngờ của mình cũng như thực hư về việc tách nhập các bộ ở bảng trên.

Thứ nhất, tác giả khẳng định 5 bộ thời Hùng Vương: Văn Lang là Sơn Tây, Giao Chỉ là Hà Nội, Cửu Chân là Thanh Hóa, Việt Thường là Quảng Trị, Vũ Ninh là Bắc Ninh là có thể xác thực. Còn 10 bộ khác quy về các tỉnh theo nguyên chú có lẽ căn cứ theo cương thổ hiện thời để phỏng đoán.

“Lẽ nào ba bộ Văn Lang, Chu Diên, Phúc Lộc cùng ở một tỉnh Sơn Tây? Thiết nghĩ Chu Diên, Phúc Lộc cũng chỉ là một huyện của bộ Văn Lang. Còn như huyện Mê Linh cũng vậy, không thể gọi là bộ. Huống hồ đất biên giới nước Việt ta lẫn vào Trung Quốc cũng nhiều. Bốn phủ Tư Ân, Sái Thành, Trấn An, Thái Bình của tỉnh Quảng Tây đều có địa thế liền kề với các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hưng [Hóa], Tuyên [Quang] của nước ta. Trước sách *Nhất thống chí* của nhà Minh, các sách Trung Quốc đều chú rõ là đất Giao Chỉ. Sách *Nhất thống chí* nhà Thanh chú là: đất Man. Thế thì 15 bộ thời Hùng Vương còn hỗn nhập trong đất của bốn phủ này là điều không thể nghi ngờ vậy.” [15, A.329, tr. 8b].

Tác giả dựa vào địa chí thời Minh-Thanh, đưa ra bảng địa biểu về đất Giao Chỉ cũ để chứng minh cho luận đề 15 bộ thời Hùng Vương còn hỗn nhập trong đất của bốn phủ Tư Ân, Sái Thành, Trấn An, Thái Bình thuộc Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2. Đất Giao Chỉ cũ [15, A.329, tr. 9a]

Phủ Tư Ân (nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Thời Hán là quận Uất Lâm)	Phủ Sái Thành (đến thời Tống mới đặt)	Huyện Lăng Vân (thuộc phủ Sái Thành, thời nhà Thanh mới đặt)
Châu Tây Long (bắt đầu đặt ra vào thời Nguyên)	Phủ Thái Bình (thời Hán là quận Uất Lâm, thời Đường thuộc Ung Châu)	Châu Long (trực thuộc phủ Thái Bình, thời Đường thuộc An Nam Đô hộ phủ, nhà Tống chiếm)
Châu Giang (nhà Tống đặt ra)	Châu Dưỡng Lợi (nhà Tống đặt ra)	Châu Tư Lăng (thời Đường thuộc An Nam Đô hộ phủ, nhà Tống chiếm)
Châu Ninh Minh (Ung Châu thời Đường)	Phủ Trấn An (nhà Tống đặt ra)	Châu Phụng Nhị (trực thuộc phủ Trấn An)
Châu Hướng Vũ	Châu Đô Khang	Châu Vĩnh Phong (nay thuộc tỉnh Quý Châu, nhà Tống đặt ra, chép rõ trong <i>Đại Thanh nhất thống chí tập yếu</i>)

Hơn nữa, theo ghi chép của quốc sử (tức *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*) thì những đất bị mất từ thời họ Hồ về sau bao gồm:

- “59 thôn ở Cổ Lâu, (phía bắc tiếp giáp với Quý Châu, họ Hồ hối lộ cho nhà Minh, nhà Minh đặt ra huyện Tây Lâm, thuộc phủ Sái Thành).

- 5 động ở châu Vĩnh Yên (ở Quảng Yên, thứ nhất là Tư Phù, thứ hai là La Phù, thứ ba là Kim Lạc, thứ tư là Cổ Sâm, thứ năm là Liễu Cát, họ Mạc hối lộ cho nhà Minh, nhà Minh sáp nhập vào châu Khâm của tỉnh Quảng Đông).

- Các thôn xã Bách Đích, Mỹ Phong, Túc Lầm, Hữu Sào, Ngọc Tử của châu Bảo Lạc.

- Các động, xã, thôn Đông Mông, Vô Cửu, Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên của châu Vị Xuyên.

- 28 thôn thuộc động Cam Thường, Hương Sơn, Sơn Yêu, Trình Lạn, Hoa Quan của châu Thủy Vĩ đều do ty phủ Khai Hóa, tỉnh Vân Nam xâm chiếm. 25 thôn thuộc động Trình Hàm do thổ ty huyện Mông Tự xâm chiếm.

- Bốn động của châu Quỳnh Nhai. Ba động của châu Chiêu Tấn. (Hai đất này bị họ Nùng xâm chiếm, dâng cho nhà Thanh. Năm đất ở trên mất vào năm Chính Hòa thứ 9 đời Lê Hy Tôn [1688]).

- Sáu châu thuộc Hưng Hóa: thứ nhất là Quảng Lăng, thứ hai là Quảng Nham, thứ ba là Hợp Phì, thứ tư là Lễ Tuyền, thứ năm là Tuy Phụ, thứ sáu là Khiêm Châu, nguyên thuộc phủ Tây An, năm Cảnh Hưng 41 đời vua Lê Hiển Tông (1780) bị phủ Khai Hóa xâm chiếm.

- Động Mang Thích và Hoài Lai của Lai Châu vào cuối thời Tây Sơn bị huyện Kiến Thủy, tỉnh Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm. Năm Gia Long thứ nhất (1802), trấn thần Hưng Hóa dâng sớ xin thương lượng, không có kết quả.”

[15, A.329, tr. 9a-9b]

Qua những phân tích kể trên của tác giả, có thể khẳng định cương vực nước ta thời hồng hoang bao gồm cả một số vùng ở phía nam Trung Quốc hiện nay như Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam.

2. Cương vực thời Bắc thuộc

Cương vực thời Bắc thuộc được các sách ghi chép khá thống nhất. Theo *Tiểu học quốc sử lược biên*, cương vực thời Bắc thuộc được thể hiện qua các thời kỳ như sau:

Bảng 3. Nhà Tần chia đất Bách Việt làm ba quận Lĩnh Nam

Tượng Quận (từ tỉnh Quảng Nam của nước ta trở ra phía bắc, cùng với hai phủ Liêm Châu, Lôi Châu của tỉnh Quảng Đông và hai phủ Tư Ân, Khánh Viễn của tỉnh Quảng Tây Trung Quốc).	Quận Nam Hải (nay là bảy phủ Quảng Châu, Thiều Châu, Nam Hùng, Huệ Châu, Triều Châu, Triệu Khánh, Cao Châu cùng với châu Gia Ứng thuộc tỉnh Quảng Đông, huyện Chương Phố tỉnh Phúc Kiến và hai tỉnh Quảng Yên, Hải Dương nước ta).	Quận Quế Lâm (nay là sáu phủ Quế Lâm, Liễu Châu, Bình Lạc, Ngô Châu, Tầm Châu, Nam Ninh và châu Uất Lâm của tỉnh Quảng Tây).
---	---	---

Bảng 4. Triệu Vũ Đế chia Tượng Quận làm hai, hợp với Nam Hải, Quế Lâm gọi là nước Nam Việt

Quận Giao Chỉ (tỉnh Nam Định, Bắc Kỳ nước ta về phía bắc là Giao Chỉ).	Quận Cửu Chân (tỉnh Ninh Bình nước ta về phía nam đến tỉnh Quảng Nam là Cửu Chân).
---	---

Bảng 5. Nhà Hán chia Nam Việt làm chín quận gọi là Giao Chỉ

Nhật Nam (nay từ Hoàn Sơn nước ta về phía nam đến tỉnh Quảng Nam).	Cửu Chân (nay là các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh nước ta).	Giao Chỉ (nay là các tỉnh Bắc Kỳ, và các đất thuộc Trung Quốc như trong <i>Bảng 2</i> . <i>Đất Giao Chỉ cũ ở trên, chỉ trích lấy hai phủ Tư Ân, Thái Bình thuộc Uất Lâm</i>).	Hợp Phố (nay là ba phủ Cao, Liêm, Lôi của tỉnh Quảng Đông và châu Thượng Tư, Bắc Lưu, Lục Xuyên, huyện Dung, Hoàn Châu của Quảng Tây).
Nam Hải (nay là ba phủ Quảng Châu, Huệ Châu, Triều Châu và châu Gia Ứng của Quảng Đông).	Thương Ngô (nay là bốn phủ Triệu Khánh, Liễu Châu, Ngô Châu, Bình Lạc và châu La Định của tỉnh Quảng Tây).	Uất Lâm (nay là năm phủ Khánh Viễn, Tư Ân, Tầm Châu, Nam Ninh, Thái Bình cùng với châu Uất Lâm của tỉnh Quảng Tây).	Hai quận Châu Nhai, Đam Nhĩ (nay là phủ Quỳnh Châu tỉnh Quảng Đông, hoặc gọi là Hải Nam).

[15, A.329, tr. 10a-11a]

Đặc biệt, khi đưa ra cương giới thời Trưng Nữ Vương phục quốc, tác giả đã dựa vào lịch sử, địa chí Trung Quốc và Việt Nam để khẳng định cương giới nước ta lúc đó vốn bắt đầu từ huyện Hợp Phố về phía nam, tức toàn bộ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Cương giới thời Trưng Nữ Vương phục quốc

“Xét thời Trưng Nữ Vương phục quốc, sử Trung Quốc và sử nước ta đều nói rằng đất nước ta tương ứng với Hợp Phố về phía nam, lại nói rằng, [Bà Trưng] đánh hạ 65 thành ở Lĩnh Nam. Khảo sách *Nhất thống chí* thời Minh, Thanh, đồng trụ đền thờ Mã Viện ở Lương Quảng cũng có. Theo *An Nam chí lược* của Lê Tắc thì Quảng Đông, Phiên Ngung có đền thờ Hai Bà Trưng, đủ biết lúc đó, [Bà Trưng] đã thu phục được đất của bảy quận nhà Hán”.

[15, A.329, tr. 11b]

Cho tới thời Ngô, cương giới nước ta mới có sự phân chia Giao Châu, Quảng Châu. Về sau này, Giao Châu thuộc về Việt Nam, Quảng Châu thuộc về Trung Quốc.

Phân chia Giao Châu, Quảng Châu thời Ngô Tôn Hạo

“Nhà Ngô cắt hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ, và Lục Xuyên, huyện Dung về phía nam của Hợp Phố làm Giao Châu. Cắt Hoàn Châu của Hợp Phố về phía bắc và ba quận Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô làm Quảng Châu. Quận Nhật Nam lúc đó đã là nước Lâm Ấp”.

Giao Châu thời nhà Tấn

“Nhà Tấn nhập ba phủ Liêm Châu, Lô Châu, Quỳnh Châu vào Giao Châu”.

[15, A.329, tr. 11b-12a]

Thời Lý Bí phục quốc, cương giới nước ta bắt đầu từ phủ Khánh Viễn, Quảng Tây về phía nam.

Cương giới thời vua Lý Bí phục quốc

“Vua Lý Bí phục quốc, cương giới không rõ ràng, nhưng thời Lưu Phương nhà Tùy sang xâm chiếm, đầu tiên đánh phá quân của [Lý] Phật Tử ở ngọn núi Đô Long. Nay khảo Đô Long ở phía tây huyện Nhi Sơn, phủ Khánh Viễn, Quảng Tây. Thêm nữa, sách *Nhất thống chí* thời Minh nói rằng, sau đời Tấn, phủ Khánh Viễn mất vào đất Man, có thể biết thời Tiền Lý phục quốc, thu phục được từ phủ Khánh Viễn về phía nam”.

[15, A.329, tr. 12a]

Đến thời Đường, cương giới nước ta bao gồm cả 12 châu thuộc An Nam Đô hộ phủ.

Bảng 6. Nhà Đường đặt An Nam Đô hộ phủ [15, A.329, tr. 12b]

Giao Châu: nguyên chú Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Hưng Yên.	Phong Châu: nguyên chú Sơn Tây, nay là Bạch Hạc, Hạc Trì.	Thang Châu: nguyên chú Tuyên Quang.	Trường Châu: nguyên chú Tuyên Quang.
Vũ Nga châu: nguyên chú Thái Nguyên.	Vũ Châu: nguyên chú Quảng Yên.	Phúc Lộc châu: nguyên chú Thanh Hóa.	Ái Châu: nguyên chú Thanh Hóa.
Hoan Châu: nguyên chú Nghệ An.	Diễn Châu: nguyên chú Hà Tĩnh.	Lục Châu: nguyên chú Khâm Châu thuộc Quảng Đông ngày nay.	Linh Châu: nguyên chú Hưng Hóa, nhậm.

Tại bảng này, tác giả có phân tích những chỗ chưa được hợp lý về việc chú dẫn địa danh của nguyên chú trong quốc sử:

“Xét, trong 12 châu như 4 châu Giao, Phong, Hoan, Ái là đất hiện nay thuộc nước ta, không còn nghi ngờ gì, còn những châu khác tưởng cũng chỉ là ước đoán, nay khảo trong địa chí thời Minh, Thanh thì Linh Châu là phủ Khánh Viễn của tỉnh Quảng Tây, còn ba châu Long Châu, Tư Lăng, Tân Ninh của phủ Thái Bình, vào thời Đường cũng thuộc An Nam Đô hộ phủ, vả lại

Khánh Viễn nằm ở cực bắc của đất Giao Chỉ mà đương thời cũng thuộc Đô hộ phủ, hưởng hồ những chỗ gần như Thái Bình, Tư Ân? Có lẽ nguyên chủ chỉ căn cứ vào lãnh thổ đương thời để ước đoán, chưa xem xét kỹ càng. Ngay cả Linh Châu còn chú nhầm là Hưng Hóa thì có thể thấy rõ. Lục Châu, Linh Châu và ba châu Long Châu, Tư Lăng, Tân Ninh thời nào bị chiếm mất xin xem dưới đây:

- 1) Lục Châu: nay là Khâm Châu, đời Đường đặt ra, vài năm sau lại bỏ.
- 2) Linh Châu: nay là phủ Khánh Viễn, nhà Nam Hán chiếm.
- 3) Tân Ninh châu: nhà Nam Hán chiếm.
- 4) Long Châu: nhà Tống chiếm.
- 5) Tư Lăng châu: nhà Tống chiếm.”

[15, A.329, tr. 12b]

Như vậy, cương giới nước ta thời kỳ Bắc thuộc qua tư liệu *Tiểu học quốc sử lược biên* bao gồm cả một số địa phận thuộc Lương Quảng của Trung Quốc hiện nay.

3. Cương vực nước ta từ thời Ngô Quyền dựng nước đến triều Nguyễn

Theo ghi chép của *Tiểu học quốc sử lược biên*, có thể nói, cương giới phía bắc nước ta đến đầu thế kỷ XX về cơ bản là do Ngô Quyền định ra. Kể từ thời Ngô Quyền đến nay, cương giới phía bắc nước ta ngày càng bị thu hẹp lại, cương giới phía nam được mở rộng dần ra qua công cuộc chinh phục phương nam của các vua Lý Thánh Tông, Trần Anh Tông, Hồ Quý Ly và đặc biệt là công lao mở mang bờ cõi của các chúa Nguyễn.

Cương giới thời Ngô vương Quyền kiến quốc

“Cương giới thời Ngô vương, quốc sử không chép rõ, nhưng từ đó đến nay, nước ta đời đời có quân trưởng, cương thổ phía bắc chưa từng nghe thấy tăng thêm. Như vậy thì cương giới hiện tại là do Ngô vương định ra, là điều rõ ràng. Duy ở bảng Giao Chỉ, bảng Đô hộ phủ ở trên, như các động thuộc Cổ Lâu, Quảng Yên, Hưng Hóa, Tuyên Quang bị thôn tính, hoặc triều Hồ, triều Mạc hối lộ cho nhà Minh, hoặc thổ tù dâng cho nhà Thanh. Thái Bình, Ninh Minh, Tư Ân, Lục Châu, thời Đường sáp nhập vào đất khác. Linh Châu, Tân Ninh bị Nam Hán chiếm, cho nên không bàn đến nữa. Các phủ huyện còn lại như Sái Thành, Trấn An hoặc đến đời Tống, Nguyên mới chiếm, hoặc đến đời Minh Thanh mới chiếm. Tuy nhiên, Ngô vương dựng nước cùng thời với nhà Nam Hán, trước đây, Tống tổ bình Nam Hán hết 32 năm. Thế thì vào thời Nam Hán, trước thời Tống tổ, những đất này thuộc về nhà nào? Hoặc là Ngô vương chiếm được mà đời Lê đời Lý về sau, chiến đấu với Trung Quốc thất bại mà bị mất. Hoặc nước ta bỏ không nhận mà người Trung Quốc lấy vào. Điều này cũng chưa thể biết được. Cương giới là việc trọng đại nhất của quốc gia, người đời trước coi nhẹ không chép, người đời sau khảo cứu từ địa chí của nước ngoài, thực cũng khó khăn vậy”.

Cương giới phương nam từ đời Lý-Trần về sau

“Nước ta sau khi độc lập, cương giới về phương bắc càng ngày càng thu nhỏ lại, mà phương nam ngày càng mở rộng thêm. Lý Thánh Tông đánh Chiêm

Thành được Quảng Bình, Quảng Trị. Trần Anh Tông gả công chúa cho vua Chiêm, nhân đó được Quảng Trị, Thừa Thiên. Hồ Quý Ly đánh Chiêm Thành được Quảng Nam, Quảng Ngãi, khôi phục hết cương giới cũ của bộ Việt Thường. Nhà Hồ mất, Quảng Nam, Quảng Ngãi lại mất vào nước Chiêm. Lê Thánh Tông lại đánh lấy hai đất đó, được thêm Bình Định, hợp với Quảng Nam, Quảng Ngãi đặt làm thừa tuyên Quảng Nam.

Các tiên vương triều Nguyễn mở mang ba tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, và các tỉnh Gia Định Nam Kỳ, tiếp giáp với Cao Man”.

[15, A.329, tr. 13a-13b]

Vào cuối thời nhà Lê, triều đình phong kiến nước ta đã có vài lần gửi thư sang đòi nhà Thanh trả lại một số đất đã chiếm. Theo như ghi chép của sách *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư*, thời vua Lê Dụ Tông, nước ta có gửi thư sang đòi nhà Thanh trả lại 120 dặm đất vùng biên giới là Vị Xuyên và Thủy Vĩ. Tuy nhiên, cuối cùng nước ta cũng chỉ được trả lại 80 dặm đất:

“Khi đó, nước ta gửi thư sang chính phủ Thanh đòi trả lại các vùng đất biên giới là Vị Xuyên, Thủy Vĩ gồm 120 dặm. Chính phủ Thanh sai sứ cùng với sứ thần của ta là bọn Hồ Phi Tích lập địa giới ở dưới chân núi Duyên Xưởng. Nước ta được trả lại 80 dặm đất. Ta xem xét dựng lại cột mốc biên giới ở núi Đồng Xưởng (tức Tụ Long) thuộc địa phận sông Đổ Chú. Bờ cõi từ đây mới định”.

[6, A.169, tr. 39b]

Sự kiện này được tác giả *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư* bình luận như sau:

“Xét, trong *An Nam kỷ yếu*, sứ thần nước ta nói với chính phủ Thanh rằng từ thời các thổ ty khai hóa ra nước ấy, xâm chiếm hơn 60 động, xã, thôn thuộc các châu Vị Xuyên, Bảo Lạc, Thủy Vĩ, Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai và ba châu Quảng Lăng, Hoàng Nhai, Hợp Phì. Nay người Thanh trả đất chỉ có núi Duyên Xưởng thuộc Vị Xuyên và núi Đồng Xưởng thuộc Tụ Long, tổng cộng là 102 dặm. Còn những đất đã bị mất là Bảo Lạc, Thủy Vĩ, Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai và các động Vị Xuyên, Ngưu Dương cuối cùng không thấy trả lại. Thế thì đất biên giới nước ta bị mất vào nhà Thanh cũng nhiều. Đương thời kinh lý qua loa như vậy, thật cũng đáng tiếc thay”.

[6, A.169, tr. 39b-40a]

Như vậy, những trình bày về cương vực của các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm đặc biệt là sách *Tiểu học quốc sử lược biên* đã cung cấp cho chúng ta kiến thức khái quát và đầy đủ về sự thay đổi cương vực nước ta qua các thời đại. Qua đó, người học sách có được những kiến thức cơ bản nhất về cương giới nước ta, khởi nguồn cho những nghiên cứu chuyên sâu về sau. Ngoài ra, việc đặt cương vực lên vị trí đầu mỗi cuốn sách cho thấy tác giả các cuốn sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm đã coi đây là nội dung thiết yếu mà học sinh cần phải nắm được trước khi học lịch sử dân tộc qua từng giai đoạn.

Qua những trình bày trên đây, chúng ta cũng có thể thấy thêm rằng, các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm là những tài liệu có

giá trị trong phổ biến kiến thức về cương vực nước ta cũng như trong việc sử dụng làm tài liệu tham khảo khi biên soạn sách giáo khoa lịch sử hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu những cuốn sách này là việc làm rất cần thiết.

N T H

CHÚ THÍCH

- (1) Dương: tức Dương Châu, nay thuộc địa phận phía nam tỉnh Giang Tô, phía nam tỉnh An Huy, Giang Tây, Chiết Giang và Phúc Kiến của Trung Quốc.
- (2) Kinh: tức Kinh Châu, nay thuộc địa phận tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.
- (3) Hợp Phố: nay thuộc khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
- (4) Đại Lý: nay thuộc tỉnh Vân Nam và phía tây nam tỉnh Tứ Xuyên.
- (5) Tuyên Ung: tên hai châu thời cổ. Châu Tuyên nay thuộc địa phận tỉnh An Huy, Trung Quốc. Châu Ung nay thuộc địa phận tỉnh Nam Ninh, Trung Quốc.
- (6) Tư Minh: thuộc địa phận tỉnh Phúc Kiến.
- (7) Năm 2011, tác giả Trần Văn Quyến có công trình nghiên cứu nhắc tới tám bản đồ này. Tuy nhiên, có lẽ do mục đích của tác giả chỉ nhằm công bố bản đồ Việt Nam có địa danh Bãi Hoàng Sa, nên một số chi tiết công bố về số lượng văn bản và các ký hiệu hiện còn của văn bản này chưa được chính xác. Gần đây, tháng 8 năm 2012, PGS, TS Phạm Thị Thùy Vinh phát hiện thêm một văn bản *Khải đồng thuyết ước* có bản đồ Việt Nam vẽ cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (Xem bài *Sách giáo khoa triều Nguyễn dạy về Hoàng Sa, Trường Sa* trên trang VOV online <http://vov.vn/Chính-tri/Bien-dao/Sach-giao-khoa-trieu-Nguyen-day-ve-Hoang-Sa-Truong-Sa/222043.vov>). Đây là một phát hiện đáng chú ý. Tuy nhiên, những văn bản của sách này hiện có ở các thư viện tại Hà Nội trong phạm vi khảo sát của chúng tôi thì chỉ vẽ về quần đảo Hoàng Sa. Vì vậy, ở bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến địa danh Hoàng Sa mà thôi.
- (8) Mặc dù ở phần Phạm lệ của cuốn sách, tác giả có tự nhận xét rất khiêm tốn rằng: “Sự thay đổi về địa danh và những đất của nước ta hỗn nhập vào Trung Quốc, cuốn sử này chỉ nói qua, đại khái đây là việc của nhà địa dư, không phải việc của nhà sử gia.” [tr. 1a].

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Sách dạy lịch sử bằng chữ Hán và chữ Nôm

STT	Tên sách	Loại hình	Ký hiệu tại các thư viện ở Hà Nội			
			Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Thư viện Quốc gia	Viện Văn học	Viện Sử học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<i>An Nam sơ học sử lược</i> 安南初學史略	In	8 bản: A. 3228, VHb.219, VHb.230, A.935, A.3114, A.3114 bis, A.3191, VHb.356.		1 bản: HN.222.	2 bản: Hv.76/1: Q1, Hv.56/1: Q2.
		Viết	1 bản: VHv.1556.	3 bản: R.306, R.223, R.442.		1 bản: Hv.450.
2	<i>Ấu học Hán tự tân thư</i> 幼學漢字新書	In	6 bản: VHv.1485, VHv.1507, VHv.2394, VHb.367, VHv.3611, A.3168.			
		Viết	7 bản: VHv.345, VHv.346, VHv.469, VHv.4000, VHv.3091, VHv.1589, VHv.1729.	2 bản: R.1636, R.561.		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	<i>Ấu học quốc sử ngũ ngôn thi</i> 幼學國史五言詩	Viết		1 bản: R.220.		
4	<i>Ấu học Việt sử tứ tự</i> 幼學越史四字	In	2 bản: VHv.51, VHv.1259.			
5	<i>Bùi gia huấn hải</i> 裴家訓孩	In	5 bản: VHv.364/1-2, VHv.1832/1-2, VHv.1245/1-2, A.2990/1-2, A.884/1-2.			
		Viết	2 bản: A.253, VNv.214.			1 bản: Hv.510.
6	<i>Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư</i> 改良蒙學國史教科書	In	2 bản: A.169, VHv.1552.	1 bản: R.1946.		
		Viết	2 bản: VHv.2145, VHv.159.			
7	<i>Khải đồng thuyết ước</i> 啟童說約	In	9 bản: VHv.1488, VHv.1257, A.889, AB.11, VNv.132, VNv.564, VHv.3200, VHv.3297, VHv.4024.			1 bản: Hv.37.
		Viết	10 bản: VHv.964/1, VHv.964/2, VHv.489, VHv.1238, VHv.2554, VHb.79, VHv.2033, VNv.2, A.1224/2 , VHv.1369.			
8	<i>Khóa nhi tiểu giản tứ tự quốc âm thể</i> 課兒小簡四字國音體	Viết	1 bản: AB.646.			
9	<i>Môn học Việt sử tam tự giáo khoa thư</i> 蒙學越史三字教科書	Viết	1 bản: A.2314.			
10	<i>Nam sử</i> 南史	Viết	1 bản: VHv.187/3.			
11	<i>Sơ học vấn tân</i> 初學問津	In	4 bản: AB.231, VNb.183, VNb.189, VNv.724.	1 bản: R.1018.		
		Viết	2 bản: VHv.3074, VHv.2033.	1 bản: R.444.		1 bản: Hv.510.
12	<i>Tân san tiểu học tứ tự sử</i> 新刊小學四字史	Viết				1 bản: Hv.553/2:Q2
13	<i>Thiên Nam tứ tự (Thiên Nam tứ tự kinh, Thiên Nam tứ tự kinh chú giải)</i> 天南四字 (天南四字經, 天南四字經注解)	Viết	3 bản: A.238, VHv.2033, VHv.2474.	2 bản: R.2075, R.1661.		1 bản: Hv.510.
14	<i>Thiên Nam tứ tự kinh</i> 天南四字經	Viết	1 bản: A.1958.			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	<i>Tiểu học quốc sử lược biên</i> 小學國史略編	Viết	2 bản: A.1327, A.329.			
16	<i>Trung học Việt sử biên niên toát yếu</i> 中學越史編年撮要	Viết	1 bản: A.328.			
17	<i>Trung học Việt sử toát yếu</i> 中學越史撮要	In	26 bản: VHv. 987/1-4, VHv.157/1-4, A.770/1-2, VHv.986/1-2, VHv.1544/1-2, A.2984/1-2, VHv.1906, VHv.2024, VHv.988/2,3,4, VHv.1557/2,4, VHv.989/2,4, VHv.2025, VHv.1583, VHv.990/2, VHv.1908, VHv.2026, VHv.2694, VHv.1701, VHv.1909, VHv.2027, VHv.3230, VHv.3231, VHv.3170, VHv.3172, VHv.3642, VHv.3171.	22 bản: R.76, R.1341, R.1342, R.1343, R.1405:T1, R.77, R.263, R.406, R.1344, R.1345, R.1346, R.1406:T2, R.78, R.265, R.1347, R.1348, R.1349:T3, R.79, R.264, R.1350, R.1351, R.1407:T4.	1 bản: HN.654.	2 bản: Hv.77/1-4, Hv.35.
		Viết	6 bản: VHv.2581/I-II, VHv.992/1-3, VHv.991/2, VHb.120, VHv.1700, VHv.3173.			
18	<i>Việt sử lược tứ tự kinh</i> 越史略四字經	Viết	2 bản: A.1521, A.1271.			
19	<i>Việt sử tam tự tân ước toàn biên</i> 越史三字新約全編	In	5 bản: VHv.1697, VHv.1820, VHv.2235, VHv.1279, A. 2318.			
		Viết	1 bản: VHv.3897.			
20	<i>Việt sử tân ước toàn biên</i> 越史新約全編	In	18 bản: A.10, VHv.132/1-2, VHv.998/1-2, VHv.999/1, A.1507, VHv.996/1-2, VHv.997/1, VHv.997/2, VHv.1986, VHv.2022, VHv.1943, VHv.2023, VHv.1987, VHv.1689, VHv.1582, VHv.4036, VHv.3281, VHv.3189.	9 bản: R.198, R.576, R.1416, R.1417, R.1418, R.214, R.449, R.1414, R.1415.	3 bản: HN.260, HN.548, HN.549.	1 bản: Hv.56/2 (tập hạ).
		Viết	2 bản: VHv.993/2, VHv.3280.			

2. Sách lịch sử

Khâm định Việt sử thông giám cương mục 欽定越史通鑑綱目, ký hiệu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm: A.1, Q2, tr. 3b-4a.

TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu việc giảng dạy về cương vực nước ta trong các sách giáo khoa lịch sử viết bằng chữ Hán và chữ Nôm trước đây. Kết quả cho thấy, đa phần các sách giáo khoa lịch sử ngày trước đều chú ý trình bày vấn đề cương vực quốc gia, tuy mức độ nông sâu có khác nhau tùy theo từng tác giả và tùy theo cấp học, nhưng vấn đề cương vực luôn được đặt ở vị trí hàng đầu của mỗi cuốn sách. Điều đó cho thấy các tác giả biên soạn sách giáo khoa lịch sử ngày trước xem cương vực quốc gia là nội dung thiết yếu mà học sinh cần phải nắm vững trước khi học lịch sử dân tộc qua từng giai đoạn. Đó cũng là điểm khác biệt giữa sách dạy lịch sử ngày trước và sách dạy lịch sử ngày nay.

Từ đó, có thể khẳng định các sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm là những tài liệu có giá trị trong phổ biến kiến thức về cương vực nước ta cũng như việc sử dụng chúng làm tài liệu tham khảo khi biên soạn sách giáo khoa lịch sử hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu những cuốn sách này là việc làm rất cần thiết.

ABSTRACT

VIETNAM'S BORDER IN VIETNAMESE HISTORY TEXTBOOKS WRITTEN IN CHINESE AND "NÔM" SCRIPTS

The paper explores the teaching of our country's border through history textbooks written in Chinese and "Nôm" scripts. The results show that most of the history textbooks were constantly concerned with the issue of national border; the scope of mention could be various depending on each author and level of education, but the issue of national border was always placed at the top of each book. This shows that the authors of history textbooks in the past considered national border as the essential content that students need to master before learning the history of our nation through each stage. That is the difference between history books in the past and the ones today.

Consequently, Vietnamese history textbooks written in Chinese and "Nôm" scripts are proved to be valuable documents in disseminating knowledge of our country's border as well as in using them for reference to compile history textbooks. Therefore, the study of these books is essential work.